

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2018

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2- Ông Lại Hữu Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải -Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1192/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 349/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Ngọc L**; Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* ông **Lê Văn M**, Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình bày: Bà và ông Lê Văn M chung sống với nhau vào năm 2006 do gia đình mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M không lo làm ăn, thường xuyên bài bạc, đá gà, cá độ không phụ giúp bà

lo cho gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi vã. Năm 2014 bà và ông M sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông M để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông M có một con chung là trẻ Lê Vũ K (sinh ngày 28/6/2007). Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ K và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 04/12/2017; biên bản hòa giải ngày 04/12/2017 bị đơn ông Lê Văn M trình bày: Năm 2006 ông và bà Trần Ngọc L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và có tổ chức đám cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp, ông đã mắc phải nhiều sai lầm, cờ bạc, chơi đá gà, không quan tâm lo lắng cho vợ con, dần làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên xa cách. Đến năm 2014 bà L dẫn con đi thuê trọ sống riêng. Ông nhiều lần năn nỉ bà L về chung sống lại nhưng bà L không đồng ý. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có một con chung là trẻ Lê Vũ K (sinh ngày 28/6/2007). Trẻ K đang sống chung với bà L. Ông yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ K và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ông xác định quá trình chung sống ông và bà L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc L, giao trẻ Lê Vũ K (sinh ngày 28/6/2007) cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Ngọc L và ông Lê Văn M chung sống với nhau năm 2006, do mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang năm 2009. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn với ông M.

Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông M. Tại phiên tòa hôm nay ông M vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông M là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyền số 01 đăng ký ngày 04/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang thể hiện hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp.

[2.2] Theo lời trình bày của bà L và ông M thì từ năm 2014 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà L yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông M vì hai bên không còn cơ hội hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng của mình.

Còn ông M thì không đồng ý ly hôn với bà L, ông nại rằng vẫn còn thương vợ, thương con.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông M bắt nguồn từ việc ông M ham M bài bạc, đá gà. Mặc dù bà L nhiều lần khuyên can ông M bỏ bài bạc, tu chí làm ăn, cùng nhau lo tương lai cho con nhưng ông M vẫn không sửa đổi.

Từ năm 2014 đến nay bà L và ông M sống ly thân. Tại phiên tòa, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay hai bên đều đã có cuộc sống riêng. Bản thân ông M nại rằng do còn yêu thương bà L nên không đồng ý ly hôn nhưng lại không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Bà L có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Lê Vũ K (sinh ngày 28/6/2007). Trẻ K cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi bà L và ông M ly hôn. Trên thực tế trẻ K cũng đã được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao trẻ K cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Ngọc L với ông Lê Văn M.

Bà Trần Ngọc L được ly hôn với ông Lê Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyền số 01 đăng ký ngày 04/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Lê Vũ K (sinh ngày 28/6/2007) cho bà Trần Ngọc L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà L không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Lê Văn M có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030541 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

(Đã ký)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 19/11/2018.

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên .

2- Ông Lại Hữu Tâm.

Đã nghị án về vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo hồ sơ thụ lý số 1192/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2017, nguyên đơn bà Trần Ngọc L, bị đơn ông Lê Văn M.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định với tỉ lệ biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Ngọc L với ông Lê Văn M.

Bà Trần Ngọc L được ly hôn với ông Lê Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyền số 01 đăng ký ngày 04/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Lê Vũ Kha (sinh ngày 28/6/2007) cho bà Trần Ngọc L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà L không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Lê Văn M có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con cái khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030541 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA